

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỔNG CÔNG TY QUÝ II/2019

Hà Nội - Tháng 09 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.
Tên viết tắt là : SHG
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		921,846,194,301	962,995,139,271
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10,059,175,666	10,548,635,463
1. Tiền	111		10,059,175,666	10,548,635,463
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	400,000,000	400,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400,000,000	400,000,000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		488,993,573,683	514,906,462,294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	183,393,079,655	212,922,366,159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	354,315,753,612	348,731,453,600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	195,347,718,308	197,043,427,050
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(247,604,549,530)	(248,036,356,153)
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3,541,571,638	4,245,571,638
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	404,469,801,470	417,948,254,340
1. Hàng tồn kho	141		404,469,801,470	417,948,254,340
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,923,643,482	19,191,787,174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	3,365,577,101	3,280,083,114
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14,456,710,012	13,331,297,551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	101,356,369	2,580,406,509
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		507,522,491,826	507,931,501,900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		301,972,505,075	299,216,365,275
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	301,972,505,075	299,216,365,275
II. Tài sản cố định	220		8,226,041,517	10,178,778,089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	8,226,041,517	10,178,778,089
- Nguyên giá	222		79,185,238,934	78,996,398,848
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70,959,197,417)	(68,817,620,759)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		10,700,000	10,700,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,700,000)	(10,700,000)
III Bất động sản đầu tư	230		56,257,899,457	56,257,899,457
- Nguyên giá	231		56,257,899,457	56,257,899,457
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	37,925,488,404	37,690,169,192
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		37,925,488,404	37,690,169,192
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	90,836,711,410	90,510,509,535
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81,277,597,468	79,951,395,593
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12,259,113,942	12,259,113,942
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,700,000,000)	(1,700,000,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12,303,845,963	14,077,780,352
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	12,303,845,963	14,077,780,352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,429,368,686,127	1,470,926,641,171

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2-2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		2,046,102,445,514	2,055,913,796,002
I. Nợ ngắn hạn	310		1,515,679,883,771	1,524,685,189,659
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	281,674,629,558	311,205,559,471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	141,953,374,806	150,418,841,761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	28,704,632,693	26,934,534,163
4. Phải trả người lao động	314		16,790,377,786	16,572,705,778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	626,494,738,551	600,992,059,938
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	116,730,333,455	118,149,217,226
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	303,114,189,014	300,194,663,414
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		217,607,908	217,607,908
II. Nợ dài hạn	330		530,422,561,743	531,228,606,343
Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	-	-
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	29,339,344,633	29,339,344,633
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	260,304,273,709	262,314,273,709
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1,803,955,400	600,000,000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		238,974,988,001	238,974,988,001
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(616,733,759,387)	(584,987,154,831)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	(616,738,502,387)	(584,991,897,831)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270,000,000,000	270,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		270,000,000,000	270,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,126,376,429	24,126,376,429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,072,018,933	1,072,018,933
4. Cổ phiếu quỹ	415		(390,000,000)	(390,000,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		26,293,456,226	26,413,502,573
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		25,981,000	25,981,000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5,941,310,206	6,158,136,532
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(923,083,072,353)	(891,923,309,548)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(891,923,309,548)	(557,959,438,823)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(31,159,762,805)	(333,963,870,725)
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(20,724,572,828)	(20,474,603,750)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4,743,000	4,743,000
1. Nguồn kinh phí	431		4,743,000	4,743,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1,429,368,686,127	1,470,926,641,171

Người lập

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung



Tổng Giám đốc

Lã Tuấn Hưng

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý II/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/04/2019	Từ 01/04/2018	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	15,561,321,862	1,659,389,391	39,957,097,382	13,318,031,101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		15,561,321,862	1,659,389,391	39,957,097,382	13,318,031,101
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	15,417,402,033	1,929,425,490	38,407,175,841	13,304,526,327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		143,919,829	(270,036,099)	1,549,921,541	13,504,774
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	1,772,880	42,992,013	107,808,644	2,767,699,186
7. Chi phí tài chính	22	5.22	5,511,037,395	7,080,723,727	27,371,037,395	13,794,806,610
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,511,037,395	6,566,436,799	26,371,037,395	13,280,519,682
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	1,326,201,875	-
9. Chi phí bán hàng	25		4,650,000	-	4,650,000	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	4,692,686,427	5,373,298,447	8,952,213,778	11,203,342,305
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(10,062,681,113)	(12,681,066,260)	(33,343,969,113)	(22,216,944,955)
12. Thu nhập khác	31	5.24	182,078,812	985,173,818	2,054,535,254	2,761,804,636
13. Chi phí khác	32	5.24	80,732,740	1,944,922,131	120,298,024	2,297,764,220
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		101,346,072	(959,748,313)	1,934,237,230	464,040,416
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(9,961,335,041)	(13,640,814,573)	(31,409,731,883)	(21,752,904,539)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(9,961,335,041)	(13,640,814,573)	(31,409,731,883)	(21,752,904,539)

Người lập

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2019

Tổng Giám đốc

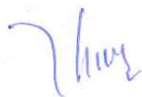
Lã Tuấn Hưng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(31,409,731,883)	(21,752,904,539)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			28,972,998,786	13,895,516,670
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,141,576,658	2,868,409,246
Các khoản dự phòng	03		568,193,377	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(107,808,644)	(2,767,699,186)
Chi phí lãi vay	06		26,371,037,395	13,794,806,610
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(2,436,733,097)	(7,857,387,869)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24,942,193,113	48,331,873,289
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13,478,452,870	4,428,698,796
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15,602,649,036)	16,591,823,986
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,688,440,402	2,324,876,699
Tiền lãi vay đã trả	14		(26,371,037,395)	(1,996,467,545)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4,743,000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(4,296,590,143)	61,823,417,356
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(424,159,298)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	243,000,000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(36,543,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5,114,913,673
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107,808,644	2,767,699,186
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(316,350,654)	(28,417,387,141)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	65,219,780,000
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(65,219,780,000)
Tiền thu từ đi vay	33		4,123,481,000	21,497,324,000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(59,224,008,015)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		4,123,481,000	(37,726,684,015)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(489,459,797)	(4,320,653,800)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10,548,635,463	28,636,117,391
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	10,059,175,666	24,315,463,591

Người lập



Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2019



Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09A - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là : SHG

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30/06/2019, Cổ phiếu của Công ty đang ở diện bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM theo Thông báo số 535/TB-SGDHN ngày 25/05/2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.2 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và hạ tầng Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	51,00%	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	43,25%	43,25%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	21,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	20%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	62,81%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	13,33%	20%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	7,33%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	25,11%

1.2 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6

Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội

Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam

Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Địa chỉ

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2019, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty là (923.083.072.353) đồng, khoản mục Vốn chủ sở hữu là (616.733.759.387) đồng; Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 lỗ; Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng sẽ bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018;
- Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 bằng cách chào bán cổ phần riêng lẻ (cổ phiếu phổ thông) để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ thêm 180 tỷ đồng để đạt 450 tỷ đồng bằng hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ, thời điểm thực hiện vào cuối quý 3 đến đầu quý 4 năm 2018. Tuy nhiên việc tăng vốn chưa thực hiện được, đến nay thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng về thực hiện thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Tổng công ty, Tổng công ty đã thực hiện định giá giá trị cổ phần và đã báo cáo Bộ Xây dựng thẩm định, đồng thời Tổng công ty đang báo cáo Bộ Xây dựng đề trình Thủ tướng chính phủ cho phép Tổng công ty thực hiện thoái 100% phần vốn nhà nước sở hữu tại Tổng công ty trong năm 2019.
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do chưa thu thập đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm 30/06/2019 nên tại báo cáo này, các khoản đầu tư được trình bày theo Phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013; thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành; Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.160.536.750	3.016.589.095
Tiền gửi ngân hàng	6.898.638.916	7.532.046.368
Tổng	10.059.175.666	10.548.635.463

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	400.000.000	-	400.000.000	-
<i>Ngắn hạn</i>	400.000.000	-	400.000.000	-
<i>Các khoản đầu tư khác</i>	400.000.000	-	400.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

30/06/2019

01/01/2019

	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	12.259.113.942	(*)	(2.700.000.000)	12.259.113.942	(*)	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	-	1.038.110	-	-
Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273	-	-	1.264.586.273	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4.063.089.559	-	-	4.063.089.559	-	-
Công ty CP Sông Hồng 9	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1.700.000.000	(1.700.000.000)	-	1.700.000.000	-	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long	1.490.400.000	-	-	1.490.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình	240.000.000	-	-	240.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	-	-

30/06/2019

01/01/2019

VND VND

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	81.277.597.468	79.951.395.593
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	45.790.168.805	44.463.966.930
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	16.348.827.194	16.348.827.194
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	8.030.536.408	8.030.536.408
Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	4.711.850.417	4.711.850.417
Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	3.591.154.868	3.591.154.868
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1.217.842.057	1.217.842.057
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	648.026.584	648.026.584
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	480.912.114	480.912.114
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	344.772.685	344.772.685
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	113.506.336	113.506.336

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018. Tổng Công ty không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của các đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>183.393.079.655</i>	<i>212.922.366.159</i>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	7.072.391.072	14.465.467.853
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	1.000.000	13.911.000.000
Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam	-	11.502.373.219
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	8.960.508.339	11.307.844.390
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	312.446.279	11.151.988.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	167.046.733.965	150.583.692.697
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>21.445.409.226</i>	<i>21.945.409.226</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)</i>		

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>370.676.600.031</i>	<i>348.731.453.600</i>
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	43.574.509.655	43.574.509.655
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Các đối tượng khác	200.712.004.245	178.766.857.814
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>18.274.054.421</i>	<i>17.274.054.421</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)</i>		

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>195.347.718.308</i>	-	<i>197.043.427.050</i>	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.115.072.141	-	5.115.072.141	-
Tạm ứng	31.586.909.790	-	34.498.061.873	-
Ký cược, ký quỹ	209.188.415	-	209.188.415	-
Phải thu khác	158.436.547.962	-	157.221.104.621	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	<i>35.470.547.873</i>	-	<i>27.893.362.959</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>122.966.000.089</i>	-	<i>129.327.741.662</i>	-
<i>Dài hạn</i>	<i>301.972.505.075</i>	-	<i>299.216.365.275</i>	-
Ký cược, ký quỹ	8.429.178.097	-	8.837.178.097	-
Ban QLDA Thái Hà	284.935.326.978	-	284.535.326.978	-
Phải thu khác	8.608.000.000	-	5.843.860.200	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	357.958.317.265	110.353.767.735	358.352.623.888	110.316.267.735
Trong đó nợ xấu của Công ty mẹ và các công ty con:				
		Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
TCT Cổ phần Sông Hồng (Công ty mẹ)				(229.060.027.839)
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long				(1.543.079.994)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng				
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng				(4.129.905.478)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và xây dựng Sông Hồng				(7.068.841.543)
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương				(5.802.694.676)
Tổng		-	-	(247.604.549.530)

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.042.200	-	18.944.486	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	380.131.689.000	-	379.149.309.822	-
Hàng hóa (i)	24.337.070.270	-	38.780.000.000	-
Tổng	404.469.801.470	-	417.948.254.340	-

(i): Khoản tiền Tổng Công ty chi ra để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục Người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính, số tiền 24.337.070.270 VND.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	10.700.000	10.700.000
Số dư cuối kỳ	10.700.000	10.700.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	10.700.000	10.700.000
Số dư cuối kỳ	10.700.000	10.700.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	20.055.650.992	42.843.843.429	15.076.953.779	1.019.950.648	78.996.398.848
Mua trong kỳ	-	-	188.840.086	-	188.840.086
Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	20.055.650.992	42.843.843.429	15.265.793.865	1.019.950.648	79.185.238.934
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15.387.409.998	39.373.751.060	13.265.385.165	791.074.536	68.817.620.759
Khấu hao trong kỳ	293.575.102	1.028.844.912	819.156.644	-	2.141.576.658
Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.680.985.100	40.402.595.972	14.084.541.809	791.074.536	70.959.197.417
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	4.668.240.994	3.470.092.369	1.811.568.614	228.876.112	10.178.778.089
Tại ngày cuối kỳ	4.374.665.892	2.441.247.457	1.181.252.056	228.876.112	8.226.041.517

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	36.105.582.587	35.870.263.375
<i>Khách sạn Royal Sông Hồng (i)</i>	35.602.635.193	35.602.635.193
<i>Dự án Lĩnh Nam</i>	502.947.394	267.628.182
Các dự án khác	1.819.905.817	1.819.905.817
Tổng	37.925.488.404	37.690.169.192

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HDQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch (18 tháng). Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3.365.577.101</i>	<i>3.280.083.114</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3.365.577.101	3.280.083.114
<i>Dài hạn</i>	<i>12.303.845.963</i>	<i>14.077.780.352</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	174.886.163	244.289.390
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	733.333.320	1.133.333.320
Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	10.258.218.332	11.885.237.609
Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.343	222.475.343
Chi phí trả trước dài hạn khác	914.932.805	592.444.690
Tổng	15.669.423.064	17.357.863.466

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>281.674.629.558</i>		<i>311.205.559.471</i>	
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42.101.417.851		53.632.329.162	
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	19.913.332.099		25.074.712.444	
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18.041.860.622		18.041.860.622	
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28.493.447.615		28.493.447.615	
Các công ty khác	173.124.571.371		185.963.209.628	
Tổng	281.674.629.558	(*)	311.205.559.471	(*)
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>110.853.807.360</i>		<i>110.673.547.316</i>	

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

(*) Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019		30/06/2019
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	20.867.316.039	2.088.771.089	265.626.853	22.690.460.275
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	297.027.288	-	-	297.027.288
Thuế Thu nhập cá nhân	328.196.628	136.605.390	133.801.251	331.000.767
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.315.524.400	96.153.255	42.000.000	2.369.677.655
Thuế khác	3.126.469.808	2.000.000	112.003.100	3.016.466.708
Tổng	26.934.534.163	2.323.529.734	553.431.204	28.704.632.693

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2019	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019		30/06/2019
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	2.479.050.140	2.479.050.140	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	92.821.146	-	-	92.821.146
Thuế khác	8.535.223	-	-	8.535.223
Tổng	2.580.406.509	2.479.050.140	-	101.356.369

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>158.314.221.225</i>	<i>150.418.841.761</i>
Dự án biệt thự Tây Hồ	24.655.500.000	38.780.000.000
Các đối tượng khác	133.658.721.225	111.638.841.761
Tổng	158.314.221.225	150.418.841.761

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>626.494.738.551</i>	<i>600.992.059.938</i>
Chi phí lãi vay phải trả	293.345.187.768	258.528.150.729
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (iii)	333.149.550.783	341.434.085.940
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	1.029.823.269
<i>Dài hạn</i>	<i>29.339.344.633</i>	<i>29.339.344.633</i>
Lãi vay	29.339.344.633	29.339.344.633
Tổng	655.834.083.184	630.331.404.571

(iii): Chi phí phải trả chưa có hóa đơn GTGT, trích trước qua nhiều năm tài chính và chưa được thanh quyết toán tại ngày 30/06/2019.

5.16 Phải trả khác

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>116.730.333.455</i>	<i>118.149.217.226</i>
Kinh phí công đoàn	823.598.081	962.748.023
Bảo hiểm xã hội	5.191.843.438	5.143.137.080
Bảo hiểm y tế	669.736.056	702.311.357
Bảo hiểm thất nghiệp	154.290.692	162.657.170
Phải trả về cổ phần hoá	4.176.729.883	4.176.729.883
Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.714.135.305	107.001.633.713
<i>Dài hạn</i>	<i>260.304.273.709</i>	<i>262.314.273.709</i>
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3	227.573.438.212	227.573.438.212
Dự án Thái Hà chờ quyết toán		
Giá trị vẫn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30.498.000.000	30.498.000.000
Phải trả dài hạn khác	2.232.835.497	4.242.835.497
Tổng	377.034.607.164	380.463.490.935

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09A - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	303.114.189.014	303.114.189.014	2.919.525.600	-	300.194.663.414	265.973.208.534
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67.378.692.253	67.378.692.253	-	-	67.378.692.253	67.378.692.253
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	34.221.454.880	34.221.454.880	-	-	34.221.454.880	-
Vay đối tượng khác	9.704.651.568	9.704.651.568	2.919.525.600	-	6.785.125.968	6.785.125.968
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (i)	191.809.390.313	191.809.390.313	-	-	191.809.390.313	191.809.390.313
Vay dài hạn	1.803.955.400	1.803.955.400	1.203.955.400	-	600.000.000	600.000.000
Đối tượng khác	1.803.955.400	1.803.955.400	1.203.955.400	-	600.000.000	600.000.000

(i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTĐ1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dự nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn. Đến thời điểm 30/06/2019, giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Tĩnh chưa có văn bản thỏa thuận gia hạn khoản vay trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ trước	270.000.000.000	24.126.376.429	-	(390.000.000)	27.278.928.479	25.981.000	6.710.417.519	(486.716.461.218)	(11.783.894.020)	(170.748.651.811)
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	1.072.018.933	-	-	-	-	-	-	1.072.018.933
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	(382.862.344.112)	(4.682.885.731)	(387.545.229.843)
Thoái vốn	-	-	-	-	(865.425.906)	-	-	-	(4.007.823.999)	(4.873.249.905)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(552.280.987)	(22.344.504.218)	-	(22.896.785.205)
Số dư đầu kỳ này	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(891.923.309.548)	(20.474.603.750)	(584.991.897.831)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	(31.159.762.805)	-	(31.159.762.805)
Giảm khác	-	-	-	-	(120.046.347)	-	(216.826.326)	-	(249.969.078)	(586.841.751)
Số dư cuối kỳ	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	(390.000.000)	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(923.083.072.353)	(20.724.572.828)	(616.738.502.387)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132.412.000.000	132.412.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	137.588.000.000	137.588.000.000
Tổng	270.000.000.000	270.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tại đầu kỳ	-	65.219.780.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	65.219.780.000
Vốn góp giảm trong năm	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tại cuối kỳ	-	-
Cổ tức đã chia		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.961.000	26.961.000
Cổ phiếu phổ thông	26.961.000	26.961.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>39.957.097.382</i>	<i>13.318.031.101</i>
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh 6.2)	-	-

5.20 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	38.407.175.841	13.304.526.327
Tổng	38.407.175.841	13.304.526.327

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	107.808.644	261.719.759
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.505.979.427
Tổng	107.808.644	2.767.699.186

5.22 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	26.371.037.395	13.280.519.682
Chi phí tài chính khác	1.000.000.000	514.286.928
Tổng	27.371.037.395	13.794.806.610

5.23 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
	tháng kết thúc ngày 30/06/2019	tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	8.952.213.778	11.203.342.305
Chi phí nhân viên quản lý	4.130.699.146	6.431.549.294
Chi phí vật liệu quản lý	45.905.477	93.068.231
Chi phí đồ dùng văn phòng	569.245.772	2.223.976.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.093.913.940	491.527.201
Thuế, phí và lệ phí	192.032.343	161.426.301
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(431.806.623)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.306.985	545.216.535
Chi phí khác bằng tiền	2.001.916.738	1.256.578.654
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	4.650.000	-
Chi phí khác bằng tiền	4.650.000	-
Tổng	8.956.863.778	11.203.342.305

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
	tháng kết thúc ngày 30/06/2019	tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(31.159.762.805)	(20.455.875.733)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(31.159.762.805)	(20.455.875.733)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.961.000	26.961.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.156)	(759)

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
	tháng kết thúc ngày 30/06/2019	tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	615.151.249	2.317.044.320
Chi phí nhân công	4.130.699.146	6.431.549.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.141.576.658	2.868.409.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.306.985	13.849.742.862
Chi phí khác bằng tiền	1.766.792.458	1.418.004.955
Tổng	9.004.526.496	26.884.750.677

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Mua hàng	5.346.270.859	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	5.346.270.859	-
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lương, thù lao và các khoản khác	762.727.513	1.035.495.310
Tổng	762.727.513	1.035.495.310
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng	21.445.409.226	21.945.409.226
Công ty CP Thép Sông Hồng	3.897.962.892	3.897.962.892
Công ty CP Sông Hồng 36	13.505.443.049	13.505.443.049
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	13.776.454	13.776.454
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	73.870.335	573.870.335
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	3.191.001.774	3.191.001.774
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	557.364.685	557.364.685
Trả trước cho người bán	18.274.054.421	17.274.054.421
Công ty CP Thép Sông Hồng	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng 36	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	1.373.400.000	1.373.400.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	1.000.000.000	-
Phải thu khác	41.731.818.200	41.641.654.689
Công ty CP Sông Hồng 36	26.527.320.279	26.527.320.279
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	1.929.686.382	1.929.686.382
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	8.792.920.720	8.747.653.581
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	3.320.000.000	3.320.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	227.399.572	182.503.200
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	874.539.347	874.539.347
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	59.951.900	59.951.900
Phải trả người bán	110.853.807.360	110.673.547.316
Công ty CP Sông Hồng 36	75.267.249	75.267.249
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	1.275.927.812	1.275.927.812
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	1.602.678.799	2.802.678.799
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	2.528.899.709	2.528.899.709
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	597.513.523	597.513.523
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	58.147.155.865	53.632.329.162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	21.940.145.785	25.074.712.444
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18.041.860.622	18.041.860.622
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	6.644.357.996	6.644.357.996

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	15.387.180.481	12.266.328.281
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	564.011.674	564.011.674
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	9.578.124.594	9.578.124.594
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	85.370.000	85.370.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	16.591.200	20.739.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	18.083.013	18.083.013
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	4.125.000.000	2.000.000.000
Người mua trả tiền trước	15.750.000	15.750.000
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	15.750.000	15.750.000

6.3 Thông tin khác

- (i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.
- (ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô. Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.
- (iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.4 Cam kết về đầu tư khác

- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 - 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

- (v) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

6.5 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 30/06/2019, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (vi) Theo Bản án số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 về việc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là 238.974.988.001 đồng, trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 143.536.699.529 đồng.

Người lập

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng